

Bản án số: 24 /2017/HSST  
Ngày 12/9/2017

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Văn Lớn và bà Đinh Thị Thu.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Ông Lê Duy Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/HSST ngày 25/7/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/HSST-QĐ ngày 16/8/2017, Thông báo mở lại phiên tòa số 26/TB-HSST ngày 05/9/2017 đối với bị cáo:

Hạng A L (Hạng A C), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993; nơi sinh: huyện B, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: bản H, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ văn hoá: lớp 8/12; con ông Hạng A T, sinh năm 1968 và con bà Thào Thị K, sinh năm 1969; bị cáo có vợ Mùa Thị Tổng M, sinh năm 1994 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam 31/8/2017 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Mùa A D, sinh năm 1980; trú tại: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Văn T, sinh năm 1983; tạm trú tại: Bản P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/4/2017 Hạng A L đi bộ đến Tỉnh lộ 112 thuộc địa phận bản H, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La. Quan sát xung quanh thấy không có người qua lại, thấy có xe máy nhãn hiệu SUFAT dựng tại ô đất cạnh Tỉnh lộ 112, không khoá cổ; L nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài

sản: L quay đầu chiếc xe máy rồi ngồi lên cho xe trôi dốc hướng Trụ sở UBND xã X. Đi được khoảng 01 km thì dừng lại, dùng tay gạt nắp hộp TK bằng nhựa phía bên trái của xe ra và rút dây điện màu đen nối với TK trong hộp nhựa này. Sau khi lắp lại nắp hộp TK, Hạng A L nổ máy và điều khiển xe đi thị trấn B. Khoảng 08 giờ ngày 14/4/2017, Hạng A L điều khiển xe máy đến quán thu mua phế liệu của anh Trần Văn T ở bản P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, L nói dối anh T về nguồn gốc xe máy để bán xe máy cho anh T lấy số tiền 1.320.000 VNĐ. Sau khi viết giấy tờ mua bán và giao nhận số tiền 1.320.000 VNĐ, L ra về thì bị anh Mùa A L1, Mùa A K đang đi tìm tung tích xe máy phát hiện đã cùng anh T bắt giữ L cùng tang vật là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUFAT dẫn giải L đến cơ quan chức năng để xử lý theo quy định. Được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh, bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo L không chấp hành, đã trốn tránh nên đã bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2017 đến nay.

Ngày 14/4/2017 anh Mùa A D đã có đơn trình báo đề nghị cơ quan chức năng điều tra xử lý Hạng A L, yêu cầu L phải trả chi phí truy tìm tài sản là 200.000VNĐ; đồng thời giao nộp: 01 giấy đăng ký xe máy số 017193 mang tên Mùa A D; 01 biển kiểm soát (BKS) xe máy số 26E1- 029.05 và 01 chìa khoá xe máy có ghi dòng chữ “SUFAT”.

Ngày 24/4/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận về giá trị tài sản (xe máy nhãn hiệu SUFAT, màu nâu, BKS: 26E1- 029.05, số khung 934602, số máy 934336) có giá trị 4.000.000VNĐ.

Ngày 08/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản đã thu giữ cho Mùa A D.

Ngày 07/6/2017 Hạng A L đã bồi thường chi phí truy tìm tài sản là 200.000VNĐ cho Mùa A D.

Bản cáo trạng số 17/KSĐT-KT ngày 24/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Hạng A L (Hạng A C) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khi thấy xe máy để nơi vắng người, bị cáo nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Ngày 13/4/2017 Hạng A L đã lén lút chiếm đoạt xe máy của anh Mùa A D có giá trị 4.000.000VNĐ mang đi bán để lấy tiền chi tiêu cho bản thân, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hạng A L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hạng A L từ 06 đến 09 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo. Chấp nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 200.000VNĐ cho Mùa A D; chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại: 01 xe máy nhãn hiệu SUFAT, màu nâu, BKS: 26E1- 029.05, số khung 934602, số máy 934336; 01

giấy đăng ký xe máy số 017193 mang tên Mùa A D; 01 biển kiểm soát (BKS) xe máy số 26E1- 029.05 và 01 chìa khoá xe máy có ghi dòng chữ “SUFAT” cho anh Mùa A D.

Bị cáo Hạng A L tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Người bị hại anh Mùa A D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, bồi hoàn gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người bị hại anh Mùa A D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T có đơn đề nghị xử vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 191 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo L phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với lời tự bào chữa của bị cáo và có cơ sở để khẳng định: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/4/2017 bị cáo L đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản xe máy SUFAT, màu nâu, BKS: 26E1- 029.05 của anh Mùa A D rồi điều khiển xe đi bán cho anh Trần Văn T thì bị phát hiện bắt giữ. Theo kết luận số 04/KL-HĐĐG ngày 24/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B: xe máy (mô tô) nhãn hiệu SUFAT, màu nâu, BKS: 26E1- 029.05, số khung 934602, số máy 934336 có giá trị 4.000.000VNĐ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hạng A L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 “ Người nào trộm cắp tài sản của người khác

có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuổi còn rất trẻ, nhưng không chịu khó rèn luyện làm ăn lương thiện, giúp gia đình phát triển kinh tế mà đua đòi, hưởng thụ bằng tài sản của người khác; đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản, mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của anh D là 4.000.000VNĐ mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự, an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương. Xét thấy cần phải áp dụng một mức án phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên cũng xem xét khoan hồng cho bị cáo khi quyết định hình phạt đó là không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự; tích cực bồi thường (bị cáo đã bồi thường 200.000VNĐ cho người bị hại); gây thiệt hại không lớn (tài sản được thu hồi); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (từ trước tới nay chưa phạm tội lần nào, tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội (dưới 50.000.000VNĐ, mức cao nhất của khung hình phạt là đến ba năm tù); thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), bị cáo là dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, tuổi đời còn rất trẻ cần thiết giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng không ăn năn hối cải, không chấp hành cam kết bảo lãnh tại ngoại, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, thời gian theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập của Tòa án, trốn tránh gây khó khăn trong công tác xét xử cho thấy bị cáo không có khả năng tự cải tạo nên không chấp nhận việc xin hưởng án treo của bị cáo mà cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo cho việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục chung hành vi tương tự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo lao động từ trồng trọt, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/8/2017 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Đối với Trần Văn T là người mua xe máy khi thực hiện giao dịch không biết nguồn gốc là do phạm tội mà có nên không xử lý về hình sự theo vụ án này.

Về trách nhiệm dân sự: anh Mùa A D đã nhận được tiền bồi thường chi phí truy tìm tài sản là 200.000 VNĐ; anh Trần Văn T đã lấy lại tiền khi bắt giữ bị cáo

L nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản gì thêm và không ai đề nghị Toà án ghi nhận việc bồi thường trên.

Vật chứng của vụ án: 01 xe máy nhãn hiệu SUFAT, màu nâu, BKS: 26E1-029.05, số khung 934602, số máy 934336; 01 giấy đăng ký xe máy số 017193 mang tên Mùa A D; 01 biển kiểm soát (BKS) xe máy số 26E1- 029.05 và 01 chìa khoá xe máy có ghi dòng chữ “SUFAT” là tài sản của anh Mùa A D; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ và trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2, 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là hộ nghèo, thuộc trường hợp được miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Hạng A L (Hạng A C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Hạng A L 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 31/8/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hạng A L.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/9/2017). Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND, CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Đ/c Trang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hoà**